

Tóm tắt

Bài viết phân tích các quan điểm học thuật xoay quanh cách gọi “Hồi giáo Bani” trong cộng đồng Cham, thông qua đối chiếu lập luận của TS. Huỳnh Ngọc Liêm và TS. Putra Podam. Trên cơ sở đó, cần làm rõ các vấn đề về lịch sử hình thành, quá trình bản địa hóa tôn giáo, cũng như tính chính xác của thuật ngữ trong cả phương diện học thuật và pháp lý. Kết quả cho thấy cần phân biệt rõ giữa nguồn gốc tôn giáo Islam, các hình thức thực hành bản địa, và hệ thống thuật ngữ tôn giáo Champa, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu chuẩn hóa danh xưng trong nghiên cứu và quản lý nhà nước.

TS. Huỳnh Ngọc Liêm: Không thể đánh tráo khái niệm khi bàn về “Hồi giáo Bani” của người Chăm

Một số nội dung phản biện:

1. Khi tranh luận học thuật bị biến thành công cụ dẫn dắt dư luận (TS. Huỳnh Ngọc Liêm)

Trong bối cảnh tranh luận hiện nay, có thể nhận thấy lập luận của TS. Huỳnh Ngọc Liêm về việc phân biệt ranh giới giữa tranh luận học thuật và diễn ngôn xã hội là xác đáng và cần thiết. Việc chỉ ra nguy cơ khi các quan điểm khoa học bị diễn giải theo hướng quy kết, đại diện hóa hoặc đối lập hóa với chính quyền đã góp phần đặt lại khuôn khổ thảo luận trên nền tảng trách nhiệm học thuật và xã hội.

Chiều ngược lại, quan điểm của TS. Putra Podam về việc phủ nhận sự tồn tại của thuật ngữ “tôn giáo Bani” trong hệ thống khái niệm truyền thống Champa cũng có cơ sở đáng chú ý. Dựa trên dữ liệu lịch sử và thuật ngữ tôn giáo tại Champa, hệ thống tôn giáo của người Cham sau thế kỷ XVI được xác định chủ yếu qua hai thuật ngữ phạm trù “Agama Awal” và “Agama Ahier”, chứ không tồn tại một danh xưng độc lập là “Agama Bani”.

Từ góc độ học thuật, việc chuẩn hóa thuật ngữ không chỉ là vấn đề ngôn ngữ, mà còn liên quan trực tiếp đến tính chính xác của tri thức khoa học và tính toàn vẹn của di sản văn hóa. Việc duy trì hoặc phổ biến một thuật ngữ không có cơ sở lịch sử rõ ràng có thể dẫn đến những hệ quả sai lệch trong nhận thức.

Tuy nhiên, như TS. Huỳnh Ngọc Liêm đã nhấn mạnh, mọi tranh luận cần được đặt trong khuôn khổ khoa học, tránh tuyệt đối hóa quan điểm hay dẫn dắt dư luận. Do đó, một cách tiếp cận hợp lý là phân biệt rõ giữa thuật ngữ học thuật và cách gọi phổ biến, từ đó có định hướng điều chỉnh phù hợp.

2. Lịch sử hình thành của Bani trong tiến trình giao lưu văn hóa Champa (TS. Huỳnh Ngọc Liêm)

Trong nghiên cứu về lịch sử tôn giáo Champa, TS. Huỳnh Ngọc Liêm đã trình bày một cách có hệ thống về quá trình du nhập và phát triển của Hồi giáo (Islam) tại khu vực này. Theo đó, Islam được truyền vào Champa chủ yếu trong giai đoạn từ thế kỷ XIII đến XV thông qua các tuyến thương mại hàng hải quốc tế, dù sự tiếp xúc ban đầu có thể đã diễn ra sớm hơn, từ khoảng thế kỷ X, khi các thương nhân Ả Rập, Ba Tư và Mã Lai đến giao thương.

Trên nền tảng giao lưu lâu dài đó, một bộ phận người Cham đã tiếp nhận Islam theo hướng chọn lọc, phù hợp với điều kiện văn hóa, xã hội bản địa, từ đó hình thành nên những hình thức thực hành tôn giáo mang tính địa phương. TS. Huỳnh Ngọc Liêm sử dụng khái niệm “Bani” để mô tả hiện tượng này như một kết quả của quá trình tiếp biến và bản địa hóa tôn giáo, chứ không phải như một tôn giáo độc lập tách rời khỏi Islam. Đây là điểm cần được nhấn mạnh: trong cách tiếp cận của TS. Huỳnh Ngọc Liêm, “Bani” là một dạng thức thực hành Hồi giáo mang tính địa phương, không phải là một hệ thống tôn giáo riêng biệt với nền tảng giáo lý độc lập.

Cách tiếp cận này phù hợp với các lý thuyết phổ biến trong tôn giáo học về quá trình nội sinh hóa đồng thời tương đồng với nhận định của một số học giả quốc tế khi nghiên cứu về sự biến đổi của Islam trong không gian Đông Nam Á. Do đó, việc TS. Huỳnh Ngọc Liêm khẳng định “Bani” là kết quả của quá trình tiếp nhận có chọn lọc và thích nghi văn hóa là có cơ sở khoa học nhất định.

Tuy nhiên, từ góc độ hệ thống thuật ngữ và lịch sử tôn giáo Champa, TS. Putra Podam bổ sung rằng cần phân biệt rõ giữa thực hành tôn giáo và định danh tôn giáo. Các dữ liệu lịch sử cho thấy Islam đã hiện diện tại Champa từ ít nhất thế kỷ X và phát triển mạnh qua các triều đại, đặc biệt từ thế kỷ XIV, khi nhiều vị vua Champa mang danh xưng và thực hành theo truyền thống Islam. Điều này cho thấy Islam không chỉ là yếu tố tiếp nhận mà đã từng giữ vai trò trung tâm trong cấu trúc chính trị, tôn giáo của quốc gia Champa.

Đáng chú ý, sau thế kỷ XVI, hệ thống tôn giáo Champa được xác lập với hai thuật ngữ tôn giáo là “Agama Awal” và “Agama Ahier”, phản ánh hai phương thức thực hành và diễn giải tôn giáo khác nhau trong cùng một nền tảng tín ngưỡng. Trong hệ thống này, không tồn tại thuật ngữ “Agama Bani” như một định danh tôn giáo chính thức. Vì vậy, theo TS. Putra Podam, việc sử dụng khái niệm “tôn giáo Bani” trong một số diễn ngôn hiện đại là một sự đơn giản hóa hoặc tái cấu trúc khái niệm, không phản ánh đầy đủ cơ sở lịch sử và học thuật.

Từ đây có thể thấy rằng, giữa TS. Huỳnh Ngọc Liêm và TS. Putra Podam không tồn tại sự đối lập về bản chất, mà chủ yếu khác nhau ở cách tiếp cận và mức độ nhấn mạnh. TS. Huỳnh Ngọc Liêm tập trung vào việc giải thích hiện tượng tiếp biến văn hóa và cảnh báo những hệ quả tiêu cực khi tranh luận học thuật bị diễn giải sai lệch trong không gian xã hội. Trong khi đó, TS. Putra Podam nhấn mạnh yêu cầu chuẩn hóa thuật ngữ và bảo vệ tính chính xác của hệ thống khái niệm lịch sử Champa.

Cần khẳng định rõ rằng TS. Huỳnh Ngọc Liêm không ủng hộ việc xác lập “tôn giáo Bani” như một tôn giáo độc lập, mà chỉ sử dụng thuật ngữ “Bani” như một khái niệm mô tả hiện tượng thực hành tôn giáo đã được bản địa hóa trong cộng đồng.

Cần tiếp cận học thuật chặt chẽ và cần phân biệt rõ giữa nguồn gốc tôn giáo (Islam), nguồn gốc danh từ (Bani) và thuật ngữ tôn giáo trong lịch sử Champa (Agama Awal, Agama Ahier). Việc làm rõ ba tầng khái niệm này không chỉ giúp nâng cao độ chính xác khoa học, mà còn góp phần định hướng nhận thức đúng đắn trong cộng đồng và trong công tác nghiên cứu về tôn giáo Champa.

3. Bản địa hóa tôn giáo - quy luật phổ biến trong lịch sử (TS. Huỳnh Ngọc Liêm)

TS. Huỳnh Ngọc Liêm đã triển khai một lập luận có cơ sở vững chắc khi đặt hiện tượng “Bani” trong quy luật phổ biến của quá trình bản địa hóa tôn giáo. Việc chỉ ra rằng mọi tôn giáo khi du nhập vào một không gian văn hóa mới đều trải qua sự thích nghi và biến đổi là hoàn toàn phù hợp với các lý thuyết kinh điển trong tôn giáo học và nhân học. Các ví dụ so sánh với Phật giáo và Kitô giáo đã giúp củng cố luận điểm rằng sự đa dạng trong thực hành không đồng nghĩa với sự phủ nhận nguồn gốc tôn giáo.

Đặc biệt, TS. Huỳnh Ngọc Liêm đã làm rõ rằng những khác biệt trong nghi lễ của cộng đồng Cham không thể được sử dụng như một tiêu chí để phủ nhận mối liên hệ lịch sử với Islam. Cách tiếp cận này có ý nghĩa quan trọng trong việc tránh những nhận định giản lược, vốn thường xuất phát từ việc đồng nhất “tôn giáo” với “hình thức thực hành nghi lễ”. Đồng thời, việc nhấn mạnh thực tiễn sinh hoạt của cộng đồng như một minh chứng sống động cho quá trình bản địa hóa cũng cho thấy phương pháp tiếp cận gắn liền giữa lý thuyết và thực tiễn.

Từ góc nhìn của TS. Putra Podam cho rằng, lập luận của TS. Huỳnh Ngọc Liêm là hoàn toàn xác đáng, song cần được đào sâu thêm ở phương diện phân biệt giữa giáo lý và thực hành. Theo đó, khái niệm “Islam chính thống” không nên được hiểu một cách giản đơn dựa trên hình thức thực hành tại một khu vực cụ thể (như Trung Đông hay Malaysia), mà phải được xác định trên nền tảng giáo lý cốt lõi như Kinh Qur'an và Hadith. Các cộng đồng tín đồ ở những không gian văn hóa khác nhau, bao gồm cả Champa, trong quá trình lịch sử đều tiếp cận và thực hành Islam ở những mức độ và hình thức khác nhau, nhưng vẫn nằm trong quỹ đạo chung của tôn giáo này.

Những dẫn chứng về sự đa dạng trong thực hành Hồi giáo tại Malaysia, Indonesia hay các khu vực khác cho thấy rằng hiện tượng “bản địa hóa” không phải là ngoại lệ mà là một quy luật phổ biến. Ngay cả trong các cộng đồng được xem là “Hồi giáo chính thống”, vẫn tồn tại những yếu tố tín ngưỡng bản địa kéo dài trong lịch sử trước khi được điều chỉnh hoặc cải biến. Điều này cũng củng cố thêm luận điểm rằng sự hiện diện của các yếu tố văn hóa bản địa trong cộng đồng Cham không thể được dùng để tách họ ra khỏi dòng chảy lịch sử của Islam.

Tuy nhiên, TS. Putra Podam cũng đưa ra một phê bình đáng chú ý đối với một số cách diễn giải học thuật hiện nay, khi cho rằng việc gọi hiện tượng này là “Hồi giáo bản địa” đôi khi thiếu sự phân tích rạch ròi giữa đâu là yếu tố thuộc về giáo lý Islam và đâu là yếu tố văn hóa bản địa. Nếu không có sự phân định này, khái niệm “bản địa hóa” có thể bị sử dụng một cách mơ hồ, dẫn đến những kết luận thiếu chính xác hoặc phiến diện.

Từ đó có thể thấy, giữa TS. Huỳnh Ngọc Liêm và TS. Putra Podam tồn tại sự tương đồng cơ bản trong việc thừa nhận quy luật bản địa hóa tôn giáo, nhưng đồng thời cũng bổ sung cho nhau ở chiều sâu phân tích. TS. Huỳnh Ngọc Liêm nhấn mạnh tính phổ quát của hiện tượng bản địa hóa và cảnh báo các cách hiểu cực đoan, trong khi TS. Putra Podam yêu cầu làm rõ nền tảng giáo lý và tránh việc đồng nhất biến thể thực hành với bản chất tôn giáo.

4. Danh xưng “Hồi giáo Bani”: Vấn đề chuẩn xác khoa học và pháp lý (TS. Huỳnh Ngọc Liêm)

Trong lập luận TS. Huỳnh Ngọc Liêm cho rằng danh xưng “Hồi giáo Bani” là một cách định danh có cơ sở khoa học và phù hợp với thực tiễn quản lý, nhằm phản ánh đặc trưng của một cộng đồng tôn giáo có nguồn gốc từ Islam nhưng đã trải qua quá trình bản địa hóa sâu sắc. Cách tiếp cận này nhất quán với quan điểm của ông về tính tiếp biến văn hóa và sự đa dạng trong thực hành tôn giáo, đồng thời nhấn mạnh rằng thuật ngữ này không mang tính áp đặt hành chính mà hình thành từ nhu cầu nhận diện trong đời sống xã hội và quản lý nhà nước.

Tuy nhiên, từ góc độ phản biện, TS. Putra Podam không đồng thuận với cách diễn giải nêu trên, đặc biệt ở hai phương diện cốt lõi:

- i) tính chính xác của định danh tôn giáo trong học thuật, và
- ii) tính hợp pháp của thuật ngữ trong hệ thống pháp lý quốc gia.

Trước hết, về phương diện pháp lý, cần phân biệt rõ giữa **tên gọi của một tôn giáo** và **tên gọi của một tổ chức tôn giáo**. Dẫn chiếu từ Công văn số 6955/BNV-TGCP ngày 28/12/2020 của Bộ Nội vụ, hệ thống tôn giáo tại Việt Nam hiện chỉ ghi nhận “Hồi giáo” (Islam) như một tôn giáo chính thức. Trong khi đó, các danh xưng như “Hội đồng Sư cả Hồi giáo Bani” chỉ là tên gọi của một tổ chức cụ thể thuộc cộng đồng Hồi giáo, không phải là một tôn giáo độc lập mang tên “Hồi giáo Bani”. Việc không phân định rạch ròi hai cấp độ này có thể dẫn đến sự nhập nhằng trong nhận thức và trong thực tiễn quản lý.

Thứ hai, xét từ góc độ lịch sử tôn giáo Champa, TS. Putra Podam khẳng định rằng không tồn tại thuật ngữ “Agama Bani” trong hệ thống khái niệm truyền thống.

Sau thế kỷ XVI, hệ thống thuật ngữ tôn giáo Champa chỉ ghi nhận hai phạm trù chính là “Agama Awal” và “Agama Ahier” để phân định các hình thức thực hành tín ngưỡng. Do đó, việc sử dụng các danh xưng như “tôn giáo Bani” hay “Hồi giáo Bani” với tư cách là một tôn giáo độc lập không những thiếu cơ sở lịch sử mà còn làm sai lệch cấu trúc phân loại tôn giáo bản địa.

Bên cạnh đó, một vấn đề thực tiễn đáng lưu ý là trong một số giai đoạn, cách ghi nhận “tôn giáo Bani” trong giấy tờ chứng minh nhân dân trong vài năm trước đã tạo thành nhận thức chưa chính xác trong một bộ phận cộng đồng, đặc biệt là thế hệ trẻ. Điều này cho thấy sự thiếu thống nhất về cách ghi “Hồi giáo” trong Danh mục quốc gia và sự tùy tiện ghi “Bani” trong chứng minh nhân dân.

Ở bình diện phương pháp luận, có thể thấy sự khác biệt giữa hai cách tiếp cận: trong khi TS. Huỳnh Ngọc Liêm thiên về cách định danh mang tính mô tả xã hội học, nhấn mạnh tính linh hoạt và thực tiễn, thì TS. Putra Podam nhấn mạnh cách tiếp cận chuẩn tắc, đặt trọng tâm vào tính chính xác của thuật ngữ lịch sử và tính hợp lệ trong hệ thống pháp lý. Sự khác biệt này phản ánh hai hướng tiếp cận phổ biến trong nghiên cứu tôn giáo, nhưng đồng thời cũng cho thấy nhu cầu cấp thiết phải có sự liên thông giữa học thuật và quản lý nhà nước.

Trên cơ sở đó, TS. Putra Podam kiến nghị cần có sự làm rõ chính thức từ các cơ quan có thẩm quyền, đặc biệt là Bộ Nội vụ và các cơ quan quản lý tôn giáo, nhằm đảm bảo tính minh bạch và thống nhất trong việc sử dụng thuật ngữ. Cụ thể:

1. Xác định rõ “Hồi giáo Bani” có phải là tên một tôn giáo chính thức trong hệ thống tôn giáo tại Việt Nam hay không;
2. Trường hợp được xem là một tôn giáo độc lập, cần công bố minh bạch trong danh mục tôn giáo quốc gia;
3. Trường hợp không phải là một tôn giáo riêng, cần ban hành hướng dẫn chính thức về cách sử dụng thuật ngữ nhằm tránh hiểu nhầm trong xã hội và trong cộng đồng người Cham.

Ngoài ra, từ góc độ chuẩn hóa danh xưng và phù hợp với lịch sử tôn giáo Champa, TS. Putra Podam cũng đề xuất xem xét điều chỉnh tên gọi của tổ chức hiện nay “Hội đồng Sư cả Hồi giáo Bani” theo hướng phản ánh chính xác hơn bản chất cộng đồng, thành: “Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo Awal”.

Khẳng định lại

Từ các phân tích trên, có thể rút ra một số điểm kết luận:

- Về pháp lý, hệ thống văn bản hiện hành chỉ công nhận “Hồi giáo” (Islam) là một tôn giáo chính thức; “Hồi giáo Bani” không phải là một tôn giáo độc lập mà chỉ xuất hiện trong tên gọi của một tổ chức.
- Về lịch sử Champa, không tồn tại thuật ngữ “Agama Bani”; hệ thống thuật ngữ truyền thống chỉ bao gồm “Agama Awal” và “Agama Ahier”.
- Về học thuật, việc sử dụng danh xưng “tôn giáo Bani” hoặc “Hồi giáo Bani” là thiếu chính xác, dễ gây nhầm lẫn và làm sai lệch nhận thức về bản chất tôn giáo của cộng đồng người Cham.

Từ đó, yêu cầu đặt ra không chỉ là điều chỉnh thuật ngữ, mà còn là thiết lập một cơ chế đối thoại học thuật, pháp lý chặt chẽ, nhằm đảm bảo sự thống nhất giữa nghiên cứu khoa học, quản lý nhà nước và nhận thức cộng đồng.

5. Kết luận

Nhận xét quan điểm giữa TS. Huỳnh Ngọc Liêm và TS. Putra Podam không phản ánh sự đối lập về bản chất, mà chủ yếu thể hiện sự khác biệt trong cách tiếp cận và trọng tâm học thuật đối với cùng một hiện tượng tôn giáo trong cộng đồng Cham. TS. Huỳnh Ngọc Liêm tiếp cận vấn đề từ khung lý thuyết tiếp biến văn hóa và bản địa hóa tôn giáo, nhấn mạnh tính đa dạng của thực hành và cảnh báo nguy cơ lệch hướng dư luận trong diễn ngôn học thuật. Trong khi đó, TS. Putra Podam đặt trọng tâm vào tính chính xác của thuật ngữ lịch sử, cơ sở hình thành từ bên trong truyền thống và yêu cầu sự phân định rạch ròi giữa các cấp độ khái niệm trong cả nghiên cứu lẫn quản lý nhà nước.

Từ sự đối chiếu hai cách tiếp cận này, có thể rút ra một số nguyên tắc nền tảng:

Thứ nhất, cần phân biệt rõ giữa Islam với tư cách là nguồn gốc tôn giáo và các hình thức thực hành mang tính bản địa trong cộng đồng Cham. Trong hệ quy chiếu truyền thống, giới giáo sĩ (Acar) chỉ sử dụng thuật ngữ “**Agama Awal**” (Awal là từ gốc Ả Rập, mang nghĩa “trước”, “sớm”, “ban đầu”; do đó Agama Awal có thể hiểu là “Hồi giáo sơ kỳ” hoặc “Islam giai đoạn đầu”) để chỉ truyền thống gắn với Islam. Trong khi đó, cách gọi “Bani”, cụ thể như “Cham Bani”, về bản chất mang nghĩa “Cham có đạo” hoặc “Cham theo đạo”, chứ không phải “Cham

theo một tôn giáo tên là Bani”. Cách hiểu này phù hợp với thực tế rằng trong hệ thống thuật ngữ Champa không tồn tại khái niệm “Agama Bani”. Do đó, các danh xưng như “tôn giáo Bani” hay “Hồi giáo Bani” là không chuẩn xác về mặt học thuật.

Hơn nữa, trong thực tế ngôn ngữ, cộng đồng **Cham Islam tại Nam Bộ cũng sử dụng từ “Bani”** với nghĩa liên quan đến “đạo” hoặc “việc nhập đạo”, như trong các cụm từ: *Bac akhar Bani* (học chữ Ả Rập, học Kinh Qur’an), *Khotan tama Bani* (thực hiện lễ cắt da quy đầu để nhập đạo). Tương tự, người Cham theo Agama Awal cũng thực hiện nghi lễ này với cách gọi *Katal tama Bani*, trong đó “Bani” mang nghĩa “đạo”, không phải tên một tôn giáo riêng biệt. Điều này cho thấy “Bani” là một thuật ngữ mang tính ngữ nghĩa chức năng, chứ không phải một định danh tôn giáo độc lập.

Thứ hai, về phương diện lịch sử khái niệm, cần khẳng định rõ ràng trong hệ thống thuật ngữ truyền thống của Champa, đặc biệt trong cách sử dụng của **giới giáo sĩ Cham, chỉ tồn tại hai thuật ngữ tôn giáo là “Agama Awal” và “Agama Ahier”**. Trong đó, “Agama Awal” được hiểu là truyền thống gắn với Islam ở giai đoạn sớm, tôn thờ Allah như Đấng Tối cao và duy nhất. Trong khi đó, “Agama Ahier” phản ánh quá trình phát triển muộn hơn trong lịch sử Champa, mang tính dung hợp, trong đó Allah vẫn được tôn xưng là Đấng Tối cao, nhưng không phải là đối tượng thờ phụng duy nhất, do còn tồn tại hệ thống thần linh bản địa Champa.

Cả hai hệ truyền thống này cùng quy chiếu về Allah như một điểm chung thần học, đồng thời được hình thành, điều chỉnh và duy trì liên tục từ sau thế kỷ XVI cho đến hiện tại trong đời sống tôn giáo Cham. Ngoài hai thuật ngữ này, không tồn tại bất kỳ khái niệm tôn giáo nào khác trong hệ thống thuật ngữ Champa. Vì vậy, việc giả định hoặc bổ sung một khái niệm như “Agama Bani” là không có cơ sở trong truyền thống lịch sử cũng như trong hệ thống ngôn ngữ Cham.

Thứ ba, việc sử dụng thuật ngữ cần được chuẩn hóa đồng thời trên cả phương diện học thuật và pháp lý, nhằm bảo đảm tính chính xác, nhất quán và tránh những diễn giải sai lệch trong nhận thức cộng đồng cũng như trong thực tiễn quản lý nhà nước. Sự thiếu nhất quán trong danh xưng không chỉ gây nhầm lẫn về mặt học thuật, mà còn có thể dẫn đến những hệ quả không mong muốn trong phân loại tôn giáo và chính sách liên quan.

Thứ tư, cần nhận thức rằng vấn đề danh xưng không chỉ là câu chuyện của từ ngữ, mà còn phản ánh quyền diễn giải đối với bản sắc tôn giáo, văn hóa của cộng đồng Cham. Việc áp đặt hoặc duy trì các thuật ngữ không xuất phát từ nền tảng truyền thống có thể vô tình làm sai lệch cách cộng đồng tự nhận thức về chính mình, từ đó ảnh hưởng đến tính liên tục của truyền thống.

Trên cơ sở đó, TS. Putra Podam không đồng thuận với việc sử dụng danh xưng “Hồi giáo Bani” như một tôn giáo độc lập, do không có cơ sở cả về lịch sử truyền thống lẫn hệ thống pháp lý hiện hành, đồng thời tiềm ẩn nguy cơ gây nhầm lẫn về bản chất tôn giáo. Từ lập trường này, ông kiến nghị các cơ quan chức năng cần có kết luận và hướng dẫn chính thức nhằm xác định rõ vị trí của thuật ngữ trong hệ thống tôn giáo quốc gia, qua đó bảo đảm tính minh bạch, nhất quán trong quản lý cũng như trong đời sống cộng đồng.

Tổng thể, vấn đề danh xưng không chỉ là vấn đề thuật ngữ học, mà còn gắn liền với nhận thức văn hóa, quyền tự định danh của cộng đồng và cơ chế quản lý xã hội. Việc chuẩn hóa thuật ngữ vì vậy cần được đặt trong một tiến trình đối thoại liên ngành, kết hợp giữa nghiên cứu khoa học nghiêm túc, tôn trọng tri thức truyền thống và định hướng chính sách minh bạch. Chỉ trên cơ sở đó mới có thể vừa bảo đảm tính chuẩn xác học thuật, vừa góp phần bảo tồn và phát huy đúng đắn di sản tôn giáo, văn hóa của cộng đồng Cham trong bối cảnh hiện đại.